

Số: /KH-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tháo gỡ rào cản, thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia, vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030; Công văn số 364-CV/TU ngày 07/4/2026 của Tỉnh ủy Đồng Tháp về chuẩn bị nội dung thực hiện Kết luận số 18-KL/TW;

Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND tỉnh) ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về triển khai thực hiện Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tháo gỡ rào cản, thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tháo gỡ các “nút thắt” về cơ chế, chính sách trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo năng động, hiệu quả; thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ, hình thành nền kinh tế dựa trên đổi mới sáng tạo, tăng năng suất lao động. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực then chốt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh Đồng Tháp, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế “02 con số” giai đoạn 2026 - 2030, phấn đấu đưa Đồng Tháp trở thành địa phương phát triển khá trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Đặt doanh nghiệp ở vị trí trung tâm của hoạt động đổi mới sáng tạo, gia tăng số lượng doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học,

công nghệ. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp.

Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Tháp, có liên kết với vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc nhóm các địa phương ở mức khá; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức trên trung bình của cả nước. Đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp thuộc nhóm dẫn đầu Đồng bằng sông Cửu Long.

Thúc đẩy chuyển đổi số, khai thác dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các ngành, lĩnh vực trọng tâm. Tỷ trọng kinh tế số đạt 30% GRDP; tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%; chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh $\geq 0,75$.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, từng bước hình thành mạng lưới chuyên gia, trí thức phục vụ phát triển tỉnh. Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân.

II. NGUYÊN TẮC TRIỂN KHAI

Lấy doanh nghiệp làm trung tâm, thị trường làm định hướng, Nhà nước đóng vai trò kiến tạo và hỗ trợ.

Gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - chuyển giao - thương mại hóa - thị trường, lấy hiệu quả thực tiễn làm thước đo.

Chuyển mạnh từ quản lý theo đầu vào sang quản lý theo kết quả đầu ra, gắn với sản phẩm cụ thể.

Thực hiện cơ chế chấp nhận rủi ro có kiểm soát trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Ưu tiên phát triển công nghệ số, công nghệ nền tảng, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

Tập trung hình thành và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước, kết nối chặt chẽ với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài, bảo đảm môi trường làm việc thuận lợi, khuyến khích sáng tạo và cống hiến lâu dài.

Tăng cường hợp tác công tư, huy động đa dạng nguồn lực xã hội cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Khuyến khích khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, xây dựng và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh gắn với hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện thể chế, cơ chế đặc thù trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tháo gỡ nút thắt, rào cản trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (chấp nhận rủi ro có kiểm soát)

a) Nhiệm vụ:

- Rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách về quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ gắn với kết quả đầu ra.

- Đề xuất cơ chế đặt hàng, mua sắm công đối với sản phẩm khoa học, công nghệ; chấp nhận rủi ro có kiểm soát trong nghiên cứu, thử nghiệm và ứng dụng công nghệ mới; thực hiện cơ chế khoán chi theo sản phẩm cuối cùng.

- Đơn giản hóa thủ tục phê duyệt đề tài, nghiệm thu, thanh quyết toán nhiệm vụ khoa học, công nghệ. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu ra.

b) Sản phẩm:

- Báo cáo rà soát cơ chế, chính sách; Đề án/cơ chế đặc thù trình UBND tỉnh. Quyết định của UBND tỉnh về cơ chế quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ mới, quy định thử nghiệm có kiểm soát.

- Bộ tiêu chí đánh giá kết quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ.

c) Thời gian: 2026 - 2027

2. Thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ

a) Nhiệm vụ:

- Triển khai các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình doanh nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Tháp.

- Kết nối doanh nghiệp với viện, trường, chuyên gia trong và ngoài tỉnh. Tăng đầu tư của doanh nghiệp vào nghiên cứu - phát triển (R&D), thúc đẩy chuyển giao công nghệ.

- Ban hành chính sách hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ưu đãi thuế, tín dụng; tạo điều kiện doanh nghiệp tiếp cận vốn từ Quỹ phát triển khoa học, công nghệ tỉnh.

b) Sản phẩm: Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; Danh mục doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; Danh mục công nghệ ưu tiên chuyển giao.

c) Thời gian: 2026 - 2030 (trọng tâm 2026 - 2027).

3. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

a) Nhiệm vụ:

- Hoàn thiện, vận hành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Tháp. Hỗ trợ hoạt động ươm tạo, tăng tốc khởi nghiệp; kết nối mạng lưới nhà đầu tư, cố vấn với doanh nghiệp khởi nghiệp. Liên kết hệ sinh thái khởi nghiệp của tỉnh với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Vận hành hiệu quả Không gian đổi mới sáng tạo tỉnh, thành lập Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh.

- Nghiên cứu thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm tỉnh.

b) Sản phẩm:

- Đề án phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; các chương trình ươm tạo, tăng tốc.

- Quyết định thành lập Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh.

c) Thời gian: 2026 - 2030.

4. Thúc đẩy chuyển đổi số, khai thác dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo

a) Nhiệm vụ:

- Phối hợp triển khai chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực; ưu tiên nông nghiệp, dịch vụ, du lịch và quản lý nhà nước.

- Thúc đẩy khai thác, chia sẻ dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Tham gia xây dựng và khai thác hiệu quả các nền tảng, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

b) Sản phẩm: Các mô hình ứng dụng số, trí tuệ nhân tạo; báo cáo kết quả chuyển đổi số lĩnh vực khoa học, công nghệ.

- Thời gian: 2026 - 2030

5. Phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ

a) Nhiệm vụ:

- Tham mưu chính sách thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội mới sáng tạo, chuyển đổi số cho cán bộ, doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh hợp tác công tư trong đào tạo, phát triển nhân lực khoa học, công nghệ.

- Xây dựng chương trình hợp tác giữa nhà nước - doanh nghiệp - trường đại học.

b) Sản phẩm: Chương trình thu hút, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ; nhóm nghiên cứu mạnh/mạng lưới chuyên gia khoa học, công nghệ.

c) Thời gian: 2026 - 2030

6. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ

a) Nhiệm vụ:

- Vận hành hiệu quả Sàn giao dịch công nghệ của tỉnh, tạo kênh kết nối, giới thiệu và chuyển giao các công nghệ, thiết bị phù hợp với nhu cầu sản xuất, kinh doanh cho các doanh nghiệp trên địa bàn.

- Tăng cường kết nối cung - cầu công nghệ giữa doanh nghiệp, hợp tác xã trong tỉnh với các viện nghiên cứu, trường đại học và tổ chức khoa học, công nghệ trong và ngoài tỉnh.

- Hỗ trợ giới thiệu, chuyển giao và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, giải pháp công nghệ, ưu tiên phục vụ các lĩnh vực thế mạnh của tỉnh như nông nghiệp, chế biến nông sản và du lịch.

b) Sản phẩm: Sàn giao dịch công nghệ; các hoạt động kết nối cung - cầu; hợp đồng chuyển giao công nghệ.

c) Thời gian: 2026 - 2030

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện.

b) Hàng năm, tham mưu đề xuất bố trí kinh phí triển khai từ ngân sách tỉnh hoặc huy động nguồn lực xã hội hóa, hợp tác công tư (PPP), đồng thời đề xuất hỗ trợ từ Trung ương.

c) Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện định kỳ hàng năm; tổ chức đánh giá giữa kỳ vào năm 2028 và tổng kết toàn diện vào năm 2030.

d) Chủ động giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong phạm vi thẩm quyền; đối với những vấn đề vượt thẩm quyền, kịp thời tổng hợp, báo cáo và đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết.

2. Sở Tài chính: Phối hợp tham mưu bố trí kinh phí thực hiện, bố trí nguồn lực đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch riêng hoặc lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch, hoạt động thường xuyên hàng năm để triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ trong quá trình triển khai thực hiện.

c) Thực hiện chế độ báo cáo đột xuất (nếu có), định kỳ hàng năm, giữa kỳ và tổng kết gửi về UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ).

d) Chủ động giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong phạm vi thẩm quyền; đối với những vấn đề vượt thẩm quyền, kịp thời tổng hợp, đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) xem xét, chỉ đạo.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tháo gỡ rào cản, thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp giai đoạn 2026 - 2030. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện có hiệu quả.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Mục IV;
- ĐTN Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh;
- Các trường ĐH, CĐ trên địa bàn tỉnh;
- VPUB: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, KGVX (vttoan).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Minh Tuấn

Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	HOÀN THIỆN THỂ CHẾ					
1	Tập trung rà soát, hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (rà soát cơ chế quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ, cơ chế tài chính, đề xuất chuyển sang quản lý theo kết quả đầu ra; đề xuất cơ chế chấp nhận rủi ro có kiểm soát)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở Tư pháp	Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành, có hiệu lực thi hành đồng bộ với hiệu lực thi hành của các Luật đã được Quốc hội thông qua	Khi Trung ương ban hành văn bản	
2	Triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do Trung ương ban hành và các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành	Sở Khoa học và Công nghệ		Tờ trình, Báo cáo	Thường xuyên (khi chính sách có hiệu lực thi hành)	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
II	ĐỔI MỚI VIỆC QUẢN LÝ					
1	Đổi mới việc quản lý các nhiệm vụ khoa học, công nghệ; đổi mới cơ chế quản lý tài chính theo hướng phát huy, tôn trọng quyền tự chủ trong hoạt động khoa học, công nghệ; các nhiệm vụ khoa học, công nghệ hướng tới cơ chế đặt hàng (<i>đối với các chuyên gia, nhà khoa học, các nhóm nghiên cứu lớn ở các viện nghiên cứu, trường đại học</i>), thực hiện cơ chế khoán chi tới sản phẩm cuối cùng khi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ (<i>đặc biệt là các nhiệm vụ khoa học, công nghệ có tính liên ngành, có ảnh hưởng sâu rộng đến kinh tế - xã hội của tỉnh</i>)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, và các sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân liên quan	Tờ trình, Báo cáo	Ngay sau khi Chính phủ, Bộ, ngành ban hành các quy định liên quan	
2	Đổi mới phương thức quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ. Xây dựng danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng tâm gắn với nhu cầu phát triển KT-XH, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ đặt hàng	Thường xuyên	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
3	Phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trung bình khoảng 90 ngày (<i>tính từ ngày chốt nhận hồ sơ theo đợt đến ngày ban hành quyết định phê duyệt</i>).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Báo cáo	Thường xuyên theo quy định hiện hành	
III	HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP					
1	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ (Hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; đổi mới quy trình, sản phẩm)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công thương, Hiệp hội doanh nghiệp	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ; danh sách doanh nghiệp tham gia	Hàng năm	
2	Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh (Hoàn thiện cơ chế vận hành hệ sinh thái; hỗ trợ ươm tạo, tăng tốc khởi nghiệp)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh; các Trường đại học	Đề án hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; các chương trình ươm tạo	Hàng năm	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
3	Thúc đẩy đầu tư tư nhân cho khoa học, công nghệ (Xây dựng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư R&D, đổi mới sáng tạo; PPP trong khoa học, công nghệ)	Sở Khoa học và Công nghệ		Đề xuất cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư khoa học, công nghệ	Hằng năm	
4	Tham mưu UBND tỉnh trong công tác tạo, lập quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với hàng hóa, dịch vụ chủ lực, đặc thù của địa phương (có tính đến việc không tổ chức cấp chính quyền cấp huyện). Hỗ trợ việc hình thành và quản trị tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp và cộng đồng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, các sở, ngành và tổ chức, cá nhân liên quan	Kế hoạch, báo cáo	Thường xuyên	
IV	CHUYỂN ĐỔI SỐ					
1	Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông trên môi trường số	Sở Khoa học và Công nghệ		Hoàn thành các nền tảng số đảm bảo kết nối liên thông	Theo thời gian các bộ, ngành đã đăng ký trong triển khai xây dựng nền tảng số quốc gia	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
2	Khẩn trương triển khai thực chất, có hiệu quả Chương trình Chính phủ số (<i>tại Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ</i>) và thực hiện chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, góp phần tăng trưởng ở mức 2 con số, có tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất và năng lực cạnh tranh	Sở Khoa học và Công nghệ		Các hoạt động chuyển đổi số thực chất được ưu tiên triển khai đối với chuỗi giá trị có quy mô lớn và khả năng lan tỏa cao	Thường xuyên	
3	Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	Sở Khoa học và Công nghệ		Báo cáo thực hiện	Thường xuyên	
4	Triển khai nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà cung cấp các kiến thức về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kiến thức, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Kế hoạch, báo cáo	Thường xuyên	
5	Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch hợp tác với các Bộ, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và trường đại học theo hướng khai thác các thế mạnh của đơn vị phối hợp trong giải quyết nhu cầu thực tế của tỉnh trong đột phá phát	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Tài chính, Nội vụ	Báo cáo	Thường xuyên	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nghiên cứu tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc duy trì các mối hợp tác hiện có cũng như ký kết những chương trình, kế hoạch hợp tác mới		và các đơn vị ký kết hợp tác			
6	Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản	Thường xuyên	
7	Hoàn thành việc xây dựng và ban hành Đề án khoa học và công nghệ “Xây dựng và phát triển hạ tầng chất lượng tỉnh Đồng Tháp”	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Đề án của UBND tỉnh	Năm 2026	
V	PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO					
1	Tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng số, kỹ năng xử lý nghiệp vụ hành chính, tư duy sáng tạo và văn hoá công chức mới cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhất là tại cấp xã; ưu tiên phương thức đào tạo thuận tiện, hiệu quả, "mọi nơi, mọi lúc", khai thác hiệu quả nền tảng "Bình dân	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch, báo cáo	Thường xuyên	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	<p>học vụ số"; Duy trì, phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng, các nhà văn hoá là các điểm tiếp cận số tại địa phương; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ cập kiến thức và nâng cao kỹ năng số cho người dân bằng nhiều hình thức phù hợp, góp phần nâng cao năng lực sử dụng dịch vụ số, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, bền vững.</p>					
2	<p>Hình thành nhóm nghiên cứu mạnh/mạng lưới chuyên gia.</p>	<p>Đại học Đồng Tháp, Đại học Tiền Giang</p>	<p>Sở Khoa học và Công nghệ</p>	<p>Nhóm nghiên cứu mạnh/mạng lưới chuyên gia.</p>	<p>2026 - 2030</p>	
3	<p>Nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 9,5 người/1 vạn dân năm 2026 và đạt 12 người/1 vạn dân đến năm 2030</p>	<p>Sở Khoa học và Công nghệ</p>	<p>Các viện, trường; sở, ban, ngành</p>	<p>Báo cáo</p>	<p>2026 - 2030</p>	